

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: 351/2018/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Hải Châu, ngày 09 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 333/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị V** – Sinh năm 1984.

Trú tại: 444 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Anh **Thái B** - Sinh năm 1983.

Trú tại: K137 đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái B và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, hôn nhân của anh B và chị V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh B và chị V chung sống tại 285/16e đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng là nhà cha mẹ anh B, sau đó anh chị chuyển về sinh sống tại địa chỉ 444 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là nhà cha mẹ chị V. Trong quá trình chung sống anh B và chị V bắt đầu xảy ra mâu thuẫn 2015 và trầm trọng vào năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau nên hai bên thường xuyên cãi vã. Trước đây, chị V đã nộp đơn đơn phương xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết ly

hôn đối với anh B nhưng sau đó rút đơn về để gia đình đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh B và chị V không còn chung sống với nhau nữa. Mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đều biết có đứng ra hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh B và chị V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B và chị V.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị V và anh Thái B xác định có hai con chung tên là Thái Nguyên A – Sinh ngày 26.6.2006 và Thái Nguyên N – Sinh ngày 09.8 2012.

Ly hôn, anh B và chị V thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thái B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị V và anh Thái B xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Thái B thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Nguyễn Thị V và anh Thái B thống nhất thỏa thuận như sau: Giao hai con chung là Thái Nguyên A – Sinh ngày 26.6.2006 và Thái Nguyên N – Sinh ngày 09.8 2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thái B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Thái B xác định không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh B và chị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006627 ngày 19.10.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Anh B và chị V đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND q. Hải Châu;
- Ủy ban nhân dân phường T,
Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

